

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

Căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.¹

¹ Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp; Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;"

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1.² Thông tư này quy định về phạm vi giám định tư pháp; tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; cử người tham gia giám định tư pháp theo vụ việc; thực hiện các hoạt động giám định tư pháp; thời hạn giám định tư pháp; hồ sơ giám định tư pháp; áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp; chi phí giám định và chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

2. Hoạt động giám định tư pháp liên quan đến đầu tư xây dựng trong lĩnh vực công thương thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Thông tư này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong ngành công thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

Điều 2a. Phạm vi giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương³

Giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương gồm giám định tư pháp về các vấn đề chuyên môn thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực:

1. Năng lượng.
2. Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp.
3. Công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ.
4. An toàn kỹ thuật công nghiệp.
5. An toàn thực phẩm.
6. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.
7. Thương mại điện tử.
8. Quản lý thị trường.
9. Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
10. Xúc tiến thương mại.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

³ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

11. Các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương

Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.
2. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên.
- 3.⁴ Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.
4. Có nguyện vọng được bổ nhiệm làm giám định viên.

Điều 4. Tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương:

- a) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên;
- c)⁵ Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

2. Trong trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương.

Điều 5. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương

1.⁶ Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Công Thương:

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

a) Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của hoạt động tổ tụng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc cá nhân căn cứ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này để lựa chọn và lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Pháp chế;

b) Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ xem xét hồ sơ để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

2. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương:

Giám đốc Sở Công Thương phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 của Thông tư này, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

3. Thời hạn xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Giám định tư pháp.

Điều 5a. Cấp mới, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp⁷

1. Việc cấp mới, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện đồng thời với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp.

2. Mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định của Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1.⁸ Giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức về thời gian hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 8 Luật Giám định tư pháp.

Điều 7. Miễn nhiệm giám định viên tư pháp

1. Các trường hợp miễn nhiệm, hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thời hạn giải quyết miễn nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

2.⁹ Cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Pháp chế.

⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ kiểm tra hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Công Thương.

3. Giám đốc Sở Công Thương thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

4. Trình tự, thời gian miễn nhiệm giám định viên tư pháp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Giám định tư pháp.

Điều 8. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương.

1. Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp

a)¹⁰ Đối với giám định viên do Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm, Vụ Pháp chế lập và gửi danh sách giám định viên tư pháp đến Văn phòng Bộ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

Văn phòng Bộ có trách nhiệm đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách.

b) Đối với giám định viên tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm, Sở Công Thương có trách nhiệm lập, gửi danh sách giám định viên tư pháp đến Sở Tư pháp và gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

a)¹¹ Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của hoạt động tố tụng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức căn cứ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư này để lựa chọn, lập danh

⁹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

¹⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

sách người giám định tư pháp theo vụ việc; căn cứ khoản 1 Điều 19 Luật Giám định tư pháp để lựa chọn, lập danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc gửi Vụ Pháp chế. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ xem xét hồ sơ đề trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Vụ Pháp chế gửi danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc kèm theo các thông tin quy định tại Điều 24 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp đến Văn phòng Bộ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung theo quy định của pháp luật;

b) Sở Công Thương có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương gửi Sở Tư pháp và gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 9. Cử người tham gia giám định tư pháp theo vụ việc

1.¹² Tại Bộ Công Thương:

a) Trường hợp Bộ Công Thương nhận được quyết định trưng cầu giám định tư pháp có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và cơ quan, đơn vị liên quan lựa chọn người thực hiện giám định tư pháp phù hợp với nội dung trưng cầu giám định, đề xuất hình thức giám định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ký văn bản cử người thực hiện giám định và hình thức giám định các nội dung trưng cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trưng cầu;

b) Trường hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nhận được quyết định trưng cầu giám định tư pháp có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trưng cầu.

2. Tại Sở Công Thương:

¹¹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

Việc cử người tham gia giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Luật Giám định tư pháp.

3. Người được phân công thực hiện giám định tư pháp theo vụ việc có trách nhiệm tiếp nhận nội dung trung cầu, yêu cầu giám định, tổ chức thực hiện giám định, kết luận về các nội dung giám định và trả lời cơ quan trung cầu, yêu cầu giám định.

4.¹³ Trường hợp nội dung trung cầu giám định tư pháp không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, vượt quá năng lực, điều kiện chuyên môn giám định; đối tượng giám định, các tài liệu liên quan được cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định sau khi đã đề nghị người trung cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng; thời gian không đủ để thực hiện giám định; nội dung giám định nêu yêu cầu mang tính pháp lý; thuộc trường hợp không được thực hiện giám định tư pháp theo quy định tại Điều 34 Luật Giám định tư pháp; tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm hoặc có lý do chính đáng khác, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và cơ quan, đơn vị liên quan trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ký văn bản từ chối tiếp nhận trung cầu giám định tư pháp, gửi người trung cầu giám định.

5. Các trường hợp không thực hiện giám định tư pháp tuân thủ theo quy định tại Điều 34 Luật Giám định tư pháp.

Điều 10. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương

1. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương phải có đủ điều kiện sau đây:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trung cầu, yêu cầu giám định;
- c) Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

2. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương thực hiện giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định theo quy định của Luật Giám định tư pháp.

Điều 11. Thành lập Hội đồng giám định

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

1. Việc thành lập Hội đồng giám định trong lĩnh vực công thương được thực hiện trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định.

2. Hội đồng giám định trong lĩnh vực công thương do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập.

3. Việc thành lập hội đồng giám định được thực hiện như sau:

a)¹⁴ Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị liên quan lựa chọn người thực hiện giám định tư pháp phù hợp với nội dung trung cầu giám định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng;

b) Hội đồng giám định có ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định;

c) Hội đồng giám định hoạt động theo cơ chế giám định tập thể quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Giám định tư pháp.

Điều 12. Áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn áp dụng đối với hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương là các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng trong lĩnh vực công thương.

2. Đối với lĩnh vực không có quy chuẩn, tiêu chuẩn thì việc giám định căn cứ vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực liên quan.

3. Hàng năm, Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, lập danh mục các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng trong lĩnh vực công thương đang còn hiệu lực gửi Văn phòng Bộ¹⁵ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

Điều 13. Tiếp nhận trung cầu, yêu cầu và đối tượng giám định

1. Việc giao, nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định phải được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này và được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Giám định tư pháp. Chỉ nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định hợp lệ, đúng đối tượng trung cầu, yêu cầu.

¹⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

¹⁵ Cụm từ “Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin” được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

2. Khi tiếp nhận đối tượng cần giám định, tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có) trong tình trạng niêm phong thì trước khi mở phải kiểm tra niêm phong. Quá trình mở niêm phong phải có mặt người thực hiện giám định; người trung cầu, yêu cầu giám định và người chứng kiến (nếu có). Mọi thông tin, diễn biến liên quan đến quá trình mở niêm phong phải được ghi vào biên bản và có chữ ký xác nhận của các bên tham gia, chứng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

3. Đối với trung cầu, yêu cầu giám định không hợp lệ thì cá nhân hoặc tổ chức được trung cầu, yêu cầu thực hiện giám định phải có văn bản trả lại cơ quan hoặc người trung cầu, yêu cầu và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc¹⁶ kể từ ngày nhận được trung cầu, yêu cầu.

4. Khi việc thực hiện giám định hoàn thành, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định cho cơ quan hoặc người trung cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 14. Thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Quyền, nghĩa vụ của người trung cầu giám định tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Luật Giám định tư pháp.

2. Quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tuân thủ theo quy định tại Điều 22 Luật Giám định tư pháp.

3. Quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp khi thực hiện giám định tư pháp tuân thủ theo quy định tại Điều 11, Điều 23 Luật Giám định tư pháp.

4. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức giám định tư pháp khi được trung cầu giám định tư pháp tuân thủ theo quy định tại Điều 24 Luật Giám định tư pháp.

Điều 14a. Thời hạn giám định tư pháp¹⁷

1. Thời hạn giám định tư pháp:

a) Tối đa 03 tháng đối với các trường hợp quy định tại Điều 2a của Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này. Trường hợp giám định vụ việc có từ 02 nội dung giám định khác nhau trong lĩnh vực công thương quy định tại Điều 2a của Thông tư này trở lên hoặc có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng;

¹⁶ Cụm từ “10 ngày làm việc” được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

¹⁷ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

b) Tối đa 09 ngày đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định quy định tại khoản 5 Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

c) Tối đa 01 tháng đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định quy định tại khoản 6 Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2. Thời hạn giám định tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này được tính từ ngày Bộ Công Thương, Sở Công Thương nhận được quyết định của người trưng cầu giám định kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định; hoặc từ ngày giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được trưng cầu trực tiếp nhận được quyết định của người trưng cầu giám định kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định.

3. Trường hợp cần thiết, thời hạn giám định tư pháp có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trưng cầu giám định nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Điều 15. Kết luận giám định

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định lập kết luận giám định tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Giám định tư pháp và trả kết luận giám định cho bên trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp theo đúng thời hạn yêu cầu.

2. Kết luận giám định tư pháp phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, khách quan. Trường hợp kết quả giám định sai sự thật gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức liên quan thì còn phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

3. Kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký của người thực hiện giám định hoặc người đứng đầu tổ chức thực hiện giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Giám định tư pháp.

4. Kết luận giám định tư pháp, biên bản bàn giao kết luận giám định tư pháp và văn bản ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện giám định thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục III, IV, V của Thông tư này.

Điều 16. Hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp do người thực hiện giám định tư pháp lập, bao gồm: Quyết định trưng cầu, văn bản yêu cầu giám định; biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định; văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định; kết luận giám định và các tài liệu khác có liên quan đến toàn bộ quá trình thực hiện hoạt động giám định.

2.¹⁸ Việc bàn giao, bảo quản, lưu trữ hồ sơ được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ giám định tư pháp của người thực hiện giám định được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp.

Hồ sơ giám định tư pháp trong trường hợp giám định tập thể được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp của thành viên được giao làm đầu mối triển khai việc giám định.

Hồ sơ giám định tư pháp của Hội đồng giám định được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp của thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định;

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Công Thương nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo quy định tại Quy chế công tác lưu trữ ban hành kèm theo Quyết định số 453/QĐ-BCT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Sở Công Thương nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của Sở Công Thương.

Điều 17. Chi phí thực hiện giám định tư pháp, chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương

1. Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng; các văn bản quy định chi tiết thi hành và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp.

Điều 18. Hiệu lực thi hành¹⁹

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

¹⁹ Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

2. Quy định chuyển tiếp:

Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đang thực hiện giám định tư pháp theo văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp của người trưng cầu, yêu cầu giám

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2017.

Điều 19. Tổ chức thực hiện²⁰

1. Vụ Pháp chế thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và cơ quan, đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; cấp mới, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; lập và gửi danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp để đăng tải và gửi Bộ Tư pháp theo quy định; cử người tham gia giám định tư pháp theo vụ việc; thành lập Hội đồng giám định;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giám định tư pháp;

d) Chủ trì thực hiện việc kiểm tra, theo dõi, đôn đốc cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về giám định tư pháp và các quy định của Thông tư này;

đ) Chủ trì thực hiện việc sơ kết, tổng kết, đánh giá về tổ chức và hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương; gửi báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về Bộ Tư pháp và cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Căn cứ vào kết quả, chất lượng thực hiện công tác giám định tư pháp, Vụ Pháp chế phối hợp với Văn phòng Bộ và cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, đề nghị Lãnh đạo Bộ hoặc cấp có thẩm quyền tôn vinh, khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giám định tư pháp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương và pháp luật về thi đua, khen thưởng;

g) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BCT, trừ trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có quy định khác.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Pháp chế) để được hướng dẫn, giải quyết."


²⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

2. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế, Trường Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ Công Thương Trung ương và cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ giám định tư pháp và kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện, lập danh mục, hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực công thương để phục vụ cho hoạt động giám định tư pháp.

4. Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp, danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn áp dụng đối với hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách, danh mục do Vụ Pháp chế và Vụ Khoa học và Công nghệ gửi.

5. Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của hoạt động tổ tụng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tổng hợp các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý gửi Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn hoặc giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Viện trưởng các Viện trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **10** /VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **05** tháng **4** năm 2021

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng website BCT);
- Lưu: VT, PC.



Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN**GIAO NHẬN HỒ SƠ, ĐỐI TƯỢNG TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH**

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm.....tại: (2)
 Chúng tôi gồm:

1- Đại diện cơ quan trung cầu giám định (hoặc người yêu cầu giám định):

+ Ông (bà) chức vụ

+ Ông (bà) chức vụ

2- Đại diện (3):

+ Ông (bà) chức vụ

+ Ông (bà) chức vụ

3- Người chứng kiến (nếu có):

+ Ông (bà) (4)

Tiến hành giao nhận tài liệu hồ sơ, đối tượng trung cầu/ yêu cầu giám định theo yêu cầu tại Quyết định trung cầu, yêu cầu giám định số.... (5) như sau:

.....

(Chú ý: Ghi rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng của tài liệu, đối tượng giám định giao nhận).

Biên bản giao, nhận tài liệu hồ sơ, đối tượng trung cầu/yêu cầu giám định đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Việc giao nhận hoàn thành hồi.....giờ ngày...../...../.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU/ **ĐẠI DIỆN**(3)

YÊU CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan/ Người giám định tiếp nhận trung cầu.

(2) Địa điểm giao nhận thông tin, tài liệu.

(3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc người giám định tiếp nhận trung cầu.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.

(5) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
MỞ NIÊM PHONG

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm.....tại: (2)
Chúng tôi gồm:

1- Đại diện cơ quan trung cầu/yêu cầu giám định:

+ Ông (bà) chức vụ.....

+ Ông (bà) chức vụ.....

2- Đại diện..... (3):

+ Ông (bà) chức vụ.....

+ Ông (bà) chức vụ.....

3- Người chứng kiến (nếu có):

+ Ông (bà)..... (4)

Tiến hành mở niêm phong tài liệu hồ sơ, đối tượng trung cầu/ yêu cầu giám định theo yêu cầu tại Quyết định trung cầu, yêu cầu giám định số.... (5) sau đây:

.....
(Chú ý: Ghi nhận rõ tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng tài liệu, đối tượng giám định khi tiến hành mở niêm phong).

Biên bản mở niêm phong đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và đại diện ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Việc mở niêm phong hoàn thành hồi.... giờ ngày...../...../.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU/ YÊU CẦU(3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan/ Người giám định tiếp nhận trung cầu.

(2) Địa điểm tiến hành mở niêm phong.

(3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân yêu cầu.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.

(5) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu số 1: Giám định cá nhân

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
CÁC NỘI DUNG THEO TRUNG CẦU/ YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH ... (2)

Căn cứ Quyết định số(3) về việc tiếp nhận trung cầu và Quyết định cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định cá nhân đối với trung cầu giám định(2), giám định viên đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu và kết luận giám định như sau:

- 1. Người giám định tư pháp:** (ghi rõ họ tên)
- 2. Người trung cầu giám định/người yêu cầu giám định:**
 - a) Cơ quan tiến hành tố tụng:
 - b) Người tiến hành tố tụng:
 - c) Văn bản trung cầu giám định số:
 - d) Người yêu cầu giám định:
- 3. Thông tin xác định đối tượng giám định:**
- 4. Thời gian tiếp nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định:**
- 5. Nội dung yêu cầu giám định:**
- 6. Phương pháp thực hiện giám định:**
- 7. Kết luận về đối tượng giám định:**
- 8. Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định:**

Kết luận giám định hoàn thành ngày: ...

Địa điểm hoàn thành kết luận giám định cá nhân:

Kết luận giám định này gồm ... trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Cơ quan trung cầu giám định: 02 (hai) bản;
- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản.

CHỮ KÝ NGƯỜI GIÁM ĐỊNH
(*Chữ ký và ghi rõ họ tên*)

XÁC NHẬN CỦA(1)

.... xác nhận những chữ ký nói trên là chữ ký của người giám định
..... được cử giám định cá nhân theo Quyết định số..... (3).²¹

(4)....., ngày tháng năm
(Ký tên, đóng dấu)(5)

(1) Tên cơ quan tiếp nhận trung cầu.

(2) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

(3) Số Quyết định về việc tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định cá nhân.

(4) Địa điểm hành chính nơi diễn ra việc thực hiện giám định.

(5) Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận trung cầu hoặc cơ quan chứng thực chữ ký.

²¹ Cụm từ “Đối với trường hợp trung cầu đích danh phải được chứng thực theo quy định của pháp luật” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

Mẫu số 2: Giám định tập thể hoặc Hội đồng giám định

(1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 ----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH
CÁC NỘI DUNG THEO TRƯNG CẦU/ YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH ... (2)

Căn cứ Quyết định số ...(3) về việc tiếp nhận trưng cầu và Quyết định cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) đối với trưng cầu giám định ...(2), các thành viên giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu và kết luận giám định như sau:

1. Người giám định tư pháp: (ghi rõ họ, tên từng giám định viên hoặc người giám định theo vụ việc)

2. Người trưng cầu/yêu cầu giám định:

- a) Cơ quan tiến hành tố tụng:
- b) Người tiến hành tố tụng:
- c) Văn bản trưng cầu giám định số:
- d) Người yêu cầu giám định:

3. Thông tin xác định đối tượng giám định:

4. Thời gian tiếp nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định:

5. Nội dung yêu cầu giám định:

6. Phương pháp thực hiện giám định:

7. Kết luận về đối tượng giám định:

8. Thời gian, địa điểm hoàn thành việc giám định:

Kết luận giám định hoàn thành ngày: ...

Địa điểm hoàn thành kết luận giám định tập thể:

Kết luận giám định này gồm ... trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

- Cơ quan trưng cầu giám định: 02 (hai) bản;
- Lưu hồ sơ giám định: 02 (hai) bản.

Bản kết luận này đã được tập thể các thành viên giám định thảo luận, thông qua, đồng ký tên và chịu trách nhiệm như nhau trước pháp luật./

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ (hoặc Hội đồng giám định)
(Ký và ghi rõ họ, tên)

XÁC NHẬN CỦA(1)

.... xác nhận những chữ ký nói trên là chữ ký của các thành viên được cử tham gia giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định) theo Quyết định số..... (3).

(4)....., ngày tháng năm
(Ký tên, đóng dấu)(5)

(1) Tên cơ quan tiếp nhận trung cầu.

(2) Số văn bản trung cầu (hoặc yêu cầu) giám định.

(3) Số Quyết định về việc tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức giám định tập thể (hoặc Hội đồng giám định).

(4) Địa điểm hành chính nơi diễn ra việc thực hiện giám định.

(5) Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận trung cầu hoặc cơ quan chứng thực chữ ký.

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
BÀN GIAO KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

- Căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2012 và các văn bản pháp lý liên quan;
- Căn cứ Quyết định trung cầu/yêu cầu giám định số.....;
-

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm.....tại: (2)

Chúng tôi gồm:

1- Đại diện cơ quan trung cầu/yêu cầu giám định:

+ Ông (bà)chức vụ

+ Ông (bà)chức vụ

2- Đại diện.....(3):

+ Ông (bà)chức vụ

+ Ông (bà)chức vụ

3- Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà) (4)

Tiến hành bàn giao kết luận giám định vụ việc và tài liệu phục vụ giám định theo Quyết định trung cầu/yêu cầu giám định gồm:

- 02 (hai) bản Kết luận giám định (giá trị pháp lý như nhau), mỗi bảntrang, có đầy đủ chữ ký các thành viên tham gia giám định tư pháp hình thức ... (giám định cá nhân hoặc giám định tập thể), có xác nhận đóng dấu của

-Tài liệu kèm theo Quyết định trung cầu/yêu cầu giám định (5)

Việc bàn giao Kết luận giám định và tài liệu phục vụ giám định kết thúc hồi ...giờ... cùng ngày; biên bản được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, đã đọc lại cho hai bên giao nhận cùng nghe và thống nhất ký tên xác nhận, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRUNG CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN(3)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan/ Người giám định tiếp nhận trung cầu.

(2) Địa điểm giao nhận thông tin, tài liệu.

(3) Tên cơ quan, đơn vị hoặc người giám định tiếp nhận trung cầu.

(4) Ghi rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ người chứng kiến.

(5) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung thông tin, tài liệu.

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2)..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

VĂN BẢN GHI NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH

Tôi/Chúng tôi gồm:

Thực hiện Quyết định số(3) về việc tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức ... (*giám định tập thể/giám định cá nhân*) đối với trung cầu giám định....(4), giám định viên/các thành viên giám định tập thể đã tiến hành giám định các nội dung yêu cầu được ghi nhận quá trình như sau:

NỘI DUNG: (5)

Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định đã được cá nhân giám định viên (*trường hợp giám định hình thức cá nhân*)/tập thể các thành viên giám định (*đối với trường hợp giám định tập thể*) thảo luận, thông qua, đồng ký tên và lưu hồ sơ giám định (6)./.

(7)...., ngày tháng năm....

CHỮ KÝ GIÁM ĐỊNH VIÊN/CÁC THÀNH VIÊN GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

(1) Tên cơ quan/ Người giám định tiếp nhận trung cầu.

(2) Giám định cá nhân/giám định tập thể.

(3) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung tiếp nhận trung cầu và cử người tham gia giám định tư pháp hình thức cá nhân hoặc tập thể.

(4) Tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung văn bản trung cầu giám định.

(5) Ghi đầy đủ, chi tiết diễn biến quá trình giám định theo từng ngày; nhiệm vụ của mỗi giám định viên tư pháp công thương, người giám định theo vụ việc trong thực hiện giám định các nội dung theo yêu cầu giám định; Phương pháp thực hiện giám định; Kết luận và các ý kiến giống, khác nhau về đối tượng giám định; Thời gian, địa điểm diễn ra việc giám định theo từng ngày cụ thể; Ngày kết thúc giám định; Địa điểm hoàn thành kết luận giám định và các vấn đề có liên quan khác cần ghi nhận.

(6) Văn bản ghi nhận quá trình giám định phải được thực hiện hàng ngày trong suốt quá trình giám định. Các thành viên tham gia giám định ngày nào thì trực tiếp ghi ý kiến của mình và ký xác nhận vào văn bản ghi nhận quá trình giám định của ngày đó.

(7) Địa điểm hành chính nơi diễn ra quá trình giám định.

PHỤ LỤC VI²²

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

.....(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)....., ngày tháng năm 20....

GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

Kính gửi:(3).....

.....(1)..... xác nhận thời gian hoạt động chuyên môn của các ông/bà dưới đây, như sau:

1. Ông/bà:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Nơi cư trú:
- Đơn vị công tác:.....(4)
- Trình độ chuyên môn:(5)
- Thời gian hoạt động chuyên môn: ... năm ... tháng (bao gồm thời gian làm việc tại ..(4).. và thời gian ... năm ... tháng làm việc tại ..(4)..(nếu có).
2. Ông/bà:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Nơi cư trú:
- Đơn vị công tác:(4)
- Trình độ chuyên môn:(5)
- Thời gian hoạt động chuyên môn: ... năm ... tháng (bao gồm thời gian làm

²² Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 01/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

việc tại ...(4)... và thời gian ... năm ... tháng làm việc tại ...(4)... (nếu có).
(6).....

(1) Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức xác nhận.

(2) Địa danh tỉnh/thành phố nơi đặt trụ sở cơ quan, đơn vị, tổ chức xác nhận.

(3) Ghi Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương (đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Công Thương); Ghi Giám đốc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại địa phương).

(4) Tên đơn vị, phòng, ban nơi cá nhân đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp làm việc.

(5) Ghi trình độ chuyên môn cao nhất được đào tạo.

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức ký tên, đóng dấu.